

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2020/DS-PT

Ngày 15-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dân.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2020/TLPT-DS ngày 05/10/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2020/DS-ST ngày 24/7/2020, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 199/2020/QĐ-PT ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ứng Thị M; trú tại: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân P; trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Mai Đình C; trú tại: Thôn E, xã N, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Như H; trú tại: Thị trấn E2, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình mua bán hàng nông sản, ông Mai Đình C và bà Phạm Thị

Như H có vay tiền mặt và cà phê nhân xô quy chuẩn của bà Ứng Thị M. Cụ thể:

Ngày 10/9/2016, âm lịch (tức 10/10/2016 dương lịch) ông C, bà H vay của bà M số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày tính từ ngày 10/9/2016 âm lịch đến ngày 13/9/2016 âm lịch (tức ngày 13/10/2016 dương lịch) sẽ trả đủ. Đến nay, ông C, bà H vẫn chưa trả số tiền trên cho bà M.

Ngày 29/6/2017, ông C vay của bà M số tiền 160.000.000 đồng và 05 tấn cà phê nhân xô. Thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2017, sẽ trả đủ. Đến nay, ông C vẫn chưa trả số tiền trên cho bà M.

Ngày 15/9/2017, bà H vay của bà M số tiền 500.000.000 đồng. Hai bên không ghi thời hạn trả nợ mà thống nhất đến cuối năm 2017 bà H sẽ trả đủ cho bà M. Đến nay, bà H vẫn chưa trả số tiền trên cho bà M.

Ngày 17/9/2018, bà H vay của bà M 20.500 kg cà phê nhân xô quy chuẩn, hạn đến ngày 30/12/2018, sẽ trả đủ. Đến nay, bà H vẫn chưa trả cho bà M.

Như vậy, ông Mai Đình C và bà Phạm Thị Như H đã vay của bà M tổng số tiền là 960.000.000 đồng và 25.500 kg cà phê nhân xô quy chuẩn đến nay chưa trả. Bà M đã nhiều lần đến nhà để yêu cầu ông C, bà H trả nợ nhưng ông C, bà H vẫn chưa trả cho bà M. Nay, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Đình C và bà Phạm Thị Như H phải liên đới trả cho bà M tổng số tiền vay là 960.000.000 đồng và 25.500kg cà phê nhân xô quy chuẩn. Đồng thời, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà H trình bày:

Đối với giấy nợ ghi ngày 10/9/2016, âm lịch bà H thừa nhận bà H và ông C ký giấy vay của bà M số tiền 300.000.000 đồng (Số nợ này có chữ ký của ông C là do nếu ông C không ký thì bà M không cho vay, nên ông C ký để vay cho bà H), thời hạn vay 03 ngày tính từ ngày 10/9/2016 âm lịch đến ngày 13/9/2016 âm lịch sẽ trả đủ. Số tiền này bà H đã đưa tiền cho ông C để trả cho bà M, hiện bà H và ông C không còn nợ bà M (có giấy ký nhận tiền của bà M).

Đối với giấy nợ ghi ngày 29/6/2017 ông Mai Đình C thừa nhận ký vay của bà M số tiền 160.000.000 đồng (quy ra thành 05 tấn cà phê nhân xô) số nợ này ông C ký vay cho bà H. Thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2017 sẽ trả đủ. Số nợ này đã được cộng dồn và chuyển nợ qua giấy nợ ghi ngày 17/9/2017 (số nợ này do ông C ký nên bà H quên gạch giấy nợ).

Đối với giấy nợ ghi ngày 15/9/2017 bà Phạm Thị Như H chỉ thừa nhận ký vay của bà M số tiền 5.000.000 đồng chứ không phải vay 500.000.000 đồng (nội dung chữ viết là do bà H viết). Số tiền nợ 5.000.000 đồng này bà H đã trả cho bà M.

Đối với giấy nợ ghi ngày 17/9/2018 bà Phạm Thị Như H thừa nhận ký giấy vay của bà M 20.500 kg cà phê nhân xô quy chuẩn (Số cà phê này bà M đã chuyển từ giấy nợ ngày 29/6/2017 và các khoản tiền nợ trước đó, nên mới thành 20.500 kg cà phê nhân xô), bà H hẹn đến ngày 30/12/2018 sẽ trả đủ. Số cà phê 20.500 kg nhân xô này bà H thừa nhận là chưa trả cho bà M được.

Nay bà H chỉ chấp nhận trả cho bà M 20.500 kg cà phê nhân xô quy chuẩn. Còn lại các khoản nợ khác bà H đã thanh toán xong cho bà M. Trong các giấy nợ mà có chữ ký của ông C là do ông C ký vay cho bà H, nên bà H sẽ chấp nhận chịu trách nhiệm đối với nợ này, không liên quan gì đến ông C.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Đình C trình bày: Ông C thừa nhận vào ngày 10/9/2016 âm lịch ông C và bà H ký giấy vay của bà Ứng Thị M số tiền 300.000.000 đồng (số nợ này có chữ ký của ông C là do nếu ông C không ký thì bà M không cho bà H vay, nên ông C ký để vay cho bà H), thời hạn vay 03 ngày tính từ ngày 10/9/2016 âm lịch hẹn đến ngày 13/9/2016 âm lịch sẽ trả đủ. Đến ngày 02/3/2017 âm lịch bà H đã đưa cho ông C số tiền 200.000.000 đồng để trả cho bà M (bà M có ký giấy nhận tiền), tiếp đến ngày 14/3/2017 bà H đã đưa cho ông C số tiền 100.000.000 đồng để trả cho bà M (bà M có ký giấy nhận tiền). Nên đối với số tiền 300.000.000 đồng này ông C đã trả đủ cho bà M.

Đối với giấy nợ ghi ngày 29/6/2017 ông C thừa nhận ký vay của bà Ứng Thị M số tiền 160.000.000 đồng (quy ra thành 05 tấn cà phê nhân xô quy chuẩn). Số nợ này ông C ký vay cho bà H và ông C được biết bà H đã chuyển nợ này sang nợ 20.500 kg cà phê nhân xô cho bà M, nên không liên quan gì đến ông C.

Còn đối với các khoản vay khác của bà H, ông C không biết, nên không liên quan gì đến ông C.

Tại bản án số 25/2020/DSST ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ứng Thị M.

Buộc bà Phạm Thị Như H trả cho bà Ứng Thị M (160.833.000 đồng + 536.105.000 đồng) = 696.938.000 đồng (sáu trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn), trong đó, nợ gốc là 650.000.000 đồng và 46.938.000 đồng tiền nợ lãi và 20.500 kg cà phê nhân xô (hai mươi nghìn năm trăm ki lô gam).

Buộc ông Mai Đình C trả cho bà Ứng Thị M (160.833.000 đồng + 171.552.000 đồng) = 332.385.000 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn), trong đó, nợ gốc là 310.000.000 đồng và 22.385.000 đồng tiền nợ lãi và 5.000 kg cà phê nhân xô (năm nghìn ki lô gam).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Phạm Thị Như H phải chịu 53.080.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Mai Đình C phải chịu 23.855.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho lại cho bà Ứng Thị M 32.640.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2019/0001140 ngày 04/11/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo đã có Quyết định kháng nghị số: 388/QĐKNPT-DS đề nghị sửa bản án sơ thẩm với các nội dung sau:

+ Khoản vay ngày 10/9/2016 AL tức ngày 10/10/2016 DL với số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn trả 03 ngày (ngoài ra không thỏa thuận thời hạn trả nợ nào khác) thì căn cứ điểm b khoản 3 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, thì đã hết thời hiệu nhưng án sơ thẩm lại tính lãi suất là không đúng mà chỉ trả nợ gốc. Bản án sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng mà phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005.

+ Buộc ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là sai, bởi ông C sinh năm 1959 là người cao tuổi.

+ Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M để buộc bị đơn phải trả 160.000.000đ và 05 tấn cà phê theo chứng cứ ngày 29/6/2017 là thiếu căn cứ mà chỉ có căn cứ chấp nhận 160.000.000 đồng.

- Ngày 31/7/2020, nguyên đơn bà Ứng Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị buộc cả ông C, bà H phải liên đới trả các khoản nợ. Và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định việc kháng cáo yêu cầu cả ông C, bà H cùng liên đới trả số nợ vay và lãi suất của khoản vay 500.000.000đ ngày 15/9/2017 và khoản nợ 20.500kg cà phê nhân xô ngày 17/9/2018.

- Ngày 04/8/2020, bị đơn bà Phạm Thị Như H kháng cáo với các nội dung:

+ Khoản vay ngày 15/9/2017, bà chỉ vay 5.000.000đ chứ không phải 500.000.000đ.

+ Khoản vay 300.000.000đ thì đã trả xong (ngày 02/3/2017 trả 200.000.000đ, ngày 14/3/2017 trả 100.000.000đ) và không còn nợ gì. Hiện nay, chỉ còn nợ 20.500kg cà phê nhân xô chứ không còn khoản nợ nào khác.

- Ngày 04/8/2020, ông Mai Đình C kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung:

+ Tôi chỉ vay giúp bà H 160.000.000đ quy ra 05 tấn cà phê chứ không vay 160.000.000đ và 05 tấn cà phê và đã trả xong.

+ Khoản vay 300.000.000đ cũng đã trả xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đồng bị đơn ông Mai Đình C, bà Phạm Thị Như H có kháng cáo nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo là bị đơn ông Mai Đình C, bà Phạm Thị Như H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do thì được coi là từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Đình C, bà Phạm Thị Như H.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo; Không chấp nhận kháng cáo của bà Ứng Thị M - sửa bản án sơ thẩm số 25/2020/DSST ngày 24 tháng 7 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mai Đình C, bà Phạm Thị Như H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Đình C, bà Phạm Thị Như H.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 10/9/2016, âm lịch (Tức ngày 10/10/2016, dương lịch) thì thỏa thuận vay là 03 ngày, nguyên đơn xác định không có thỏa thuận nào khác về thời hạn trả nợ. Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng đã hết thời hiệu. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, việc kháng nghị cho rằng hết thời hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

Về Điều luật áp dụng: Khoản vay 300.000.000 đồng, đây là giao dịch được xác lập trước ngày 01/1/2017 và là giao dịch đang được thực hiện. Theo biên bản đối chất thì nguyên đơn thể hiện bị đơn mới trả được 6.000.000đ tiền lãi; phía bị đơn xác định đã trả lãi suất xong và có thỏa thuận lãi suất. Theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 thì phải trả lãi trên nợ gốc và lãi quá hạn theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì xác định mức lãi suất là 10%/ năm. Như vậy về lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005 và năm 2015 không phù hợp nhau. Vì vậy, cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết nên kháng nghị của Viện kiểm sát áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp.

Do kháng chấp nhận kháng nghị nên cần tính lại lãi suất của khoản vay này như sau: Lãi suất từ ngày 04/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/7/2020) là 08 tháng 20 ngày, cụ thể: $[(300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%) : 12 \times 08 \text{ tháng}] + [(300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%) : 12 \times 20 : 30] = 19.500.000 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: $(300.000.000 \text{ đồng} + 19.500.000 \text{ đồng}) = 319.500.000 \text{ đồng}$. Do đó cần buộc bà H và ông C mỗi người phải trả cho bà M $\frac{1}{2}$ số tiền là 159.750.000 đồng (150.000.000đ nợ gốc và 9.750.000đ lãi).

Đối với khoản tiền lãi suất 6.000.000đ mà bị đơn đã trả, theo nguyên đơn thì thỏa thuận 2%/tháng là cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay nguyên đơn chỉ mới trả được khoản tiền lãi của 02 tháng và nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu trả lãi suất từ khi khởi kiện cho đến nay. Vì có lợi cho bị đơn nên không đặt ra việc tính toán lại lãi suất để khấu trừ khoản lãi đã trả là phù hợp.

[2.2] Đối với kháng nghị cho rằng, bản án sơ thẩm buộc ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326 thì ông C là người cao tuổi và phải làm đơn xin miễn án phí thì mới được xem xét miễn án phí cho ông C nhưng ông C lại không có đơn. Do đó, án sơ thẩm không có căn cứ để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C là phù hợp. Tuy nhiên, cùng với việc kháng cáo, tại cấp phúc thẩm ông C đã làm đơn xin miễn án phí nên cần sửa bản án sơ thẩm và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C.

[2.3] Kháng nghị cho rằng, chỉ có căn cứ xác định bị đơn vay 160.000.000đ chứ không vay 05 tấn cà phê là không có cơ sở. Bởi lẽ, theo giấy vay tiền cũng không thể hiện là vay 160.000.000đ quy đổi thành 05 tấn cà phê. Bị đơn cho rằng, là do chốt cà phê non với giá 32.000đ/kg, nhưng cấp sơ thẩm cũng đã xác minh giá cà phê nhân xô quy chuẩn là 42.800đ/kg nên lời trình bày của bị đơn là không phù hợp. Do đó án sơ thẩm đã chấp nhận khoản nợ 160.000.000đ và 05 tấn cà phê nhân là phù hợp. Bản án sơ thẩm đã tính toán về lãi suất từ ngày 04/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/7/2020) là 08 tháng 20 ngày, cụ thể: $[(160.000.000 \text{ đồng} \times 10\%) : 12 \times 08 \text{ tháng}] + [(160.000.000 \text{ đồng} \times 10\%) : 12 \times 20 \text{ ngày} : 30] = 11.552.000 \text{ đồng}$ là đúng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: $160.000.000 \text{ đồng} + 11.552.000 \text{ đồng} = 171.552.000 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, về trách nhiệm trả nợ thì giấy vay do ông C là người viết giấy vay và đứng tên vay; phía bà H và ông C đều thống nhất khoản nợ này là ông C đứng vay cho bà H và đã thanh toán xong, tuy nhiên cũng không có căn cứ chứng minh

cho việc đã trả. Do đó, về trách nhiệm trả khoản nợ này phải buộc ông C, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M là phù hợp. Buộc bà Phạm Thị Như H và ông Mai Đình C phải liên đới trả cho bà Ứng Thị M tổng cộng gốc và lãi là: 171.552.000 đồng (160.000.000 đồng gốc và 11.552.000 đồng lãi) và 5.000kg cà phê nhân xô. Được chia theo phần buộc bà H và ông C mỗi người phải trả cho bà M $\frac{1}{2}$ số tiền là 85.776.000 đồng (80.000.000đ nợ gốc và 5.776.000đ lãi) và 2.500 kg cà phê nhân xô.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà M, yêu cầu ông C, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ nợ, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với khoản nợ 300.000.000đ vay ngày 10/9/2016, âm lịch (Tức ngày 10/10/2016, dương lịch), cộng với mức lãi suất đã tính toán ở trên 19.500.000 đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: (300.000.000 đồng + 19.500.000 đồng) = 319.500.000 đồng. Đối với khoản nợ này thì cả ông Mai Đình C và bà Phạm Thị Như H đều ký vào giấy vay do đó cần buộc cả ông C và bà H phải có trách nhiệm liên đới theo phần trả nợ là có căn cứ.

[3.2] Đối với khoản nợ 500.000.000đ ngày 15/9/2017 và lãi suất theo tính toán của cấp sơ thẩm đến ngày xét xử sơ thẩm 36.105.000đ và khoản nợ 20.500kg cà phê nhân xô bà M cho rằng cần buộc trách nhiệm cả ông C và bà H cùng liên đới trả nợ. Tuy nhiên tất cả các chứng cứ này đều do cá nhân bà H ký, ông C không ký và cho rằng ông không có trách nhiệm gì. Vì vậy, án sơ thẩm buộc cá nhân bà H trả nợ là có căn cứ và nội dung kháng cáo này của bà M là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ứng Thị M và một phần kháng cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Đối với các nội dung kháng cáo của bị đơn ông Mai Đình C, bà Phạm Thị Như H, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm nên không đề cập, xem xét đến các nội dung này quyết định của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án là chưa chính xác, cần phải điều chỉnh lại cho đúng. Cụ thể:

Đối với khoản vay 300.000.000đ thì các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ mức lãi suất nên cần tuyên: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với khoản nợ gốc 160.000.000đ và 500.000.000đ thì không thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất hay tranh chấp về lãi suất nên cần tuyên: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bà H phải chịu án phí trên tổng giá trị tiền phải trả. Giá cà phê nhân xô tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 32.800đ/kg nên được tính như sau: $[(20.500 \text{ kg} \times 32.800 \text{ đ/kg}) + (2.500 \text{ kg} \times 32.800 \text{ đ/kg}) + 85.776.000\text{đ} + 536.105.000 \text{ đồng} + 159.750.000 \text{ đồng} = 1.536.031.000\text{đ}]$ là: $36.000.000\text{đ} + (736.031.000\text{đ} \times 3\%) = 58.080.930\text{đ}$.

[5.2] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông C phải chịu án phí trên tổng giá trị tiền phải trả. Giá cà phê nhân xô tại thời điểm xét xử là 32.800đ/kg nên được tính như sau: $[(2.500 \text{ kg} \times 32.800 \text{ đ/kg}) + 85.776.000\text{đ} + 159.750.000 \text{ đồng} = 327.526.000\text{đ}] \times 5\% = 16.376.300\text{đ}$. Tuy nhiên, ông C là người cao tuổi và tại cấp phúc thẩm ông C đã làm đơn xin miễn án phí nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng nghị và một phần kháng cáo nên bà Ứng Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Phạm Thị Như H và ông Mai đình C đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 308; Điều 309, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của đồng bị đơn bà Phạm Thị Như H và ông Mai đình C.

[1.2] Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ứng Thị M - Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 27/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ứng Thị M.

[2.1] Buộc bà Phạm Thị Như H và ông Mai đình C phải liên đới trả cho bà Ứng Thị M tổng cộng gốc và lãi là: 319.500.000 đồng (300.000.000 đồng gốc và 19.500.000 đồng lãi). Được chia theo phần buộc bà H và ông C mỗi người phải trả cho bà M $\frac{1}{2}$ số tiền là 159.750.000 đồng (150.000.000đ nợ gốc và 9.750.000đ lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Buộc bà Phạm Thị Như H và ông Mai đình C phải liên đới trả cho bà Ứng Thị M tổng cộng gốc và lãi là: 171.552.000 đồng (160.000.000 đồng gốc và 11.552.000 đồng lãi) và 5.000kg cà phê nhân xô. Được chia theo phần buộc bà H

và ông C mỗi người phải trả cho bà M $\frac{1}{2}$ số tiền là 85.776.000 đồng (80.000.000đ nợ gốc và 5.776.000đ lãi) và 2.500 kg cà phê nhân xô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Buộc bà Phạm Thị Như H phải trả cho bà Ứng Thị M 536.105.000đ (500.000.000 đồng gốc và 36.105.000 đồng lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Buộc bà Phạm Thị Như H phải trả cho bà Ứng Thị M 20.500 kg cà phê nhân xô.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Như H phải chịu 58.080.930 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Mai Đình C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại cho bà Ứng Thị M số tiền 32.640.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2019/0001140 ngày 04/11/2019. Bà M được nhận lại số tiền 10.640.000đ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ứng Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E1, theo biên lai số AA/2019/0009094 ngày 13/8/2020.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Phạm Thị Như H và ông Mai đình C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E1, theo các biên lai số AA/2019/0009089, AA/2019/0009090 cùng ngày 13/8/2020.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E1;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Anh Tuấn

